

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2022/DS-ST
Ngày 30 – 12 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà M Thuý K; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 3, xã T V, thành phố C M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M; Sinh năm 1951; Địa chỉ: Ấp 3, xã T V, thành phố C M, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn K U; Địa chỉ: Ấp N B, xã T P, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Hoàng M trình bày:*

Vào ngày 14/3/2021a1, tại ấp 3, xã T V, thành phố Cà Mau bà U đến nhà hỏi mượn của bà K số tiền 30.000.000 đồng, mục đích mượn tiền để xoay sở việc riêng, do chỗ thân tình nên bà K không tính lãi suất, khi cho mượn tiền có

làm giấy viết tay. Từ khi hỏi mượn tiền đến nay đã hơn một năm nhưng bà U chưa trả lại số tiền đã mượn mà còn có thái độ trốn tránh nghĩa vụ.

Nay ông Nguyễn Hoàng M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn K U trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà M Thuý K, không yêu cầu tính lãi suất.

** Đối với bà Nguyễn K U:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà U biết về yêu cầu khởi kiện của bà K nhưng bà U không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M Thuý K. Buộc bà Nguyễn K U trả cho bà K số tiền 30.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Hoàng M có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn K U đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà K khởi kiện yêu cầu bà U trả lại số tiền đã cho mượn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 14/03/2021a, bà U có hỏi mượn của bà K số tiền 30.000.000 đồng, khi giao dịch mượn tiền có làm biên nhận (thể hiện tại BL 02) do đó, thỏa thuận này là việc vay tài sản giữa các bên đúng theo quy định tại điều 463 Bộ luật Dân sự. Mặc dù biên nhận không ghi thời gian trả và quy định không lãi suất nhưng bà K xác định đã hơn một năm nhưng bà U không trả lại số tiền trên, mặc dù sau khi cho mượn tiền, bà K có nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bà U hứa hẹn, sau đó cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ.

Mặt khác, suốt quá trình giải quyết vụ án, bà U không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, điều này cho thấy giao dịch phát sinh giữa các bên là có xảy ra, cùng những phân tích nêu trên, bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bà U trả lại cho bà K số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng vay của các bên là phù hợp.

[4] Đối với lãi suất tiền vay: Bà K không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.500.000 đồng (30.000.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M Thuý K.

Buộc bà Nguyễn K U có trách nhiệm trả cho bà M Thuý K số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn K U phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), (chưa nộp).

Bà M Thuý K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà K số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013028 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc